TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TỰ DO VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HUY QUYỀN TỰ DO CỦA NHÂN DÂN

LÊ VĂN DŨNG*

VÕ VĂN DŨNG**

Tóm tắt: *Bài viết nhằm làm rõ nội dung, đặc điểm và ý nghĩa của tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do đối với việc phát huy quyền tự do của nhân dân ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu tập trung phân tích mối quan hệ giữa tự do với độc lập dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân, pháp luật, kỷ cương và trách nhiệm xã hội. Để thực hiện mục tiêu đó, bài viết vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp các phương pháp phân tích và tổng hợp, lôgic và lịch sử, cùng cách tiếp cận liên ngành giữa triết học, chính trị học và luật học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do được hình thành trên cơ sở kế thừa truyền thống dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa tư tưởng nhân loại và được kiểm nghiệm trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Tự do trong tư tưởng của Người mang tính biện chứng, nhân văn, thực tiễn và toàn diện; không tách rời độc lập dân tộc, quyền làm chủ, pháp luật và nghĩa vụ công dân. Bài viết góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho nghiên cứu quyền con người ở Việt Nam, đồng thời gợi mở định hướng phát huy quyền tự do của nhân dân trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay.*

Từ khóa: *tự do, tư tưởng, Hồ Chí Minh, nhân dân.*

Abstract: This article aims to clarify the content, characteristics, and significance of Ho Chi Minh's thought on freedom in promoting the people's freedom in contemporary Vietnam. The study focuses on analysing the relationship between freedom and national independence, the people's mastery, the rule of law, social order, and social responsibility. To achieve this objective, the research employs the methodology of Marxism–Leninism, combined with analytical and synthetic methods, logical and historical approaches, and an interdisciplinary perspective integrating philosophy, political science, and legal studies. The findings indicate that Ho Chi Minh's thought on freedom was formed through the inheritance of Vietnam's national traditions, the selective assimilation of the intellectual heritage of humanity, and its verification in the practice of the Vietnamese revolution. In Ho Chi Minh's thought, freedom is dialectical, humanistic, practical, and comprehensive; it is inseparable from national independence, the people's mastery, the rule of law, and citizens' responsibilities. This study contributes to enriching the theoretical foundation for research on human rights in Vietnam while providing implications for promoting the people's freedom in the ongoing development of a socialist rule-of-law state.

Keywords: *freedom, thought, Ho Chi Minh, people.*

Ngày nhận bài: 15/7/2026; Ngày sửa bài: 25/8/2026; Ngày duyệt đăng bài: 5/9/2026.

1. Đặt vấn đề

Có thể nói, *tự do* là một trong những thuật ngữ ra đời từ rất sớm, gắn liền với triết

* ThS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

** PGS. TS. Trường Đại học Khánh Hòa, Email: vovandung@ukh.edu.vn

học và chính trị học. Tuy nhiên, cách hiểu về tự do không phải ở thời kỳ nào cũng giống nhau, mà phụ thuộc vào điều kiện lịch sử và thực tiễn. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về tự do được hình thành trên cơ sở kế thừa truyền thống văn hóa của dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa của nhân loại, trực tiếp là quan điểm về tự do của C.Mác. Tự do theo Hồ Chí Minh không chỉ dừng lại ở mỗi cá nhân, mà còn phải gắn tự do cá nhân với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì thế, tự do chính là quyền của con người và xã hội loài người. Cách tiếp cận về tự do của Người cho phép sự tự do vượt qua sự đối lập giữa lợi ích cá nhân và lợi ích của cộng đồng để đến với sự tự do của dân tộc gắn với sự phát triển bền vững.

Việt Nam hiện nay đang bước vào giai đoạn phát triển mới, vì thế Đảng ta đã chủ trương "Nghiên cứu các yếu tố "tự do", "hạnh phúc", "phồn vinh" trong tư tưởng Hồ Chí Minh"[1]. Nghiên cứu kỹ các vấn đề này có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng một nền tảng lý luận vững chắc nhằm định hướng cho nhận thức và hành động. Từ những lý do trên, việc nghiên cứu một cách hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do, đồng thời làm rõ ý nghĩa của nó đối với việc phát huy quyền tự do của nhân dân trong điều kiện hiện nay không chỉ có ý nghĩa lý luận, mà còn mang giá trị thực tiễn to lớn. Nghiên cứu này góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách và pháp luật, đồng thời định hướng đúng đắn cho quá trình xây dựng và phát triển xã hội Việt Nam theo hướng dân chủ, công bằng và văn minh.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Kết quả

2.1.1. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do

Hồ Chí Minh cho rằng tự do không tách rời khỏi độc lập dân tộc. Vì thế, Người khẳng định "không có gì quý hơn độc lập, tự do"[2]. Quan điểm này không chỉ là khẩu hiệu chính trị để kêu gọi nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh đánh đuổi đế quốc thực dân, mà còn thể hiện một quan niệm có tính nguyên tắc về điều kiện tồn tại của tự do. Theo Người, tự do không thể được bảo đảm trong một xã hội bị lệ thuộc. Tự do chỉ trở thành hiện thực khi đất nước được độc lập, người dân thực sự được làm chủ. Do vậy, mọi quyền tự do cá nhân đều trở nên hình thức nếu dân tộc chưa giành được độc lập. Khi một dân tộc bị mất chủ quyền, thì ở đó các quyền cơ bản của con người không có cơ sở để được thừa nhận và bảo vệ. Do đó, việc giải phóng dân tộc phải được đặt lên vị trí ưu tiên và nó là tiền đề để giải phóng con người. Quan niệm này cho thấy cách hiểu về tự do của Hồ Chí Minh đã vượt qua cách hiểu đơn giản coi tự do chỉ là vấn đề cá nhân để đến với cách hiểu đúng đắn hơn - tự do phải gắn với không gian, thời gian và lịch sử cụ thể. Mối quan hệ giữa tự do và độc lập không chỉ trong đấu tranh, mà còn có ý nghĩa lâu dài trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước. Người khẳng định "Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đưa nước ta bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội"[3]. Độc lập dân tộc tạo ra khuôn khổ để các quyền tự do được thể chế hóa và thực thi, trong khi việc bảo đảm các quyền tự do của nhân dân lại là thước đo quan trọng của một nền độc lập thực chất.

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 229.

[2] Hồ Chí Minh. (2011f), Toàn tập, tập 15, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 627.

[3] Hồ Chí Minh. (2011f), Toàn tập, tập 15, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 697.

Do đó, tự do cá nhân không thể tách rời khỏi tự do dân tộc, và ngược lại, độc lập dân tộc chỉ có ý nghĩa khi gắn với việc bảo đảm và phát huy quyền tự do của mỗi cá nhân.

Hồ Chí Minh cho rằng tự do phải gắn liền với quyền làm chủ của nhân dân. Theo Người, cần "phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân"[4]. Tự do không chỉ được xác định ở bình diện quyền cá nhân, mà còn được hiện thực hóa thông qua quyền làm chủ của nhân dân đối với đời sống chính trị và xã hội. Hồ Chí Minh coi nhân dân là chủ thể của quyền lực, đồng thời là lực lượng quyết định mọi quá trình vận động và phát triển của xã hội. Vì thế, tự do không thể được hiểu như trạng thái thụ động được ban phát từ bên trên, mà phải được bảo đảm bằng khả năng tham gia thực chất của người dân vào các hoạt động quản lý và điều hành xã hội. Người nhấn mạnh, "Cán bộ, đảng viên, đoàn viên cần thường xuyên tự phê bình trước nhân dân, khuyến khích nhân dân phê bình. Khiêm tốn lắng nghe ý kiến của nhân dân để phát huy những việc tốt, sửa chữa những việc sai, làm công tác tốt hơn"[5]. Tự do chỉ có ý nghĩa khi con người có điều kiện tác động đến những quyết định liên quan trực tiếp đến đời sống của mình. Mọi người dân có quyền tham gia vào quá trình xây dựng chính sách, quyền giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước và quyền tham gia ý kiến, đồng thời đề xuất nguyện vọng trong khuôn khổ pháp luật. Khi các quyền này được bảo đảm, tự do không còn là khái niệm trừu tượng mà trở thành năng lực thực tiễn của con người trong đời sống xã hội. Tự do gắn với quyền làm chủ không chỉ là một nguyên tắc chính trị, mà còn là tiêu chí đánh giá mức độ phát triển dân chủ của một xã hội.

Hồ Chí Minh cho rằng tự do phải gắn với pháp luật và kỷ cương. Người khẳng định "chân lý là cái gì có lợi cho Tổ quốc, cho nhân dân. Cái gì trái với lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân tức là không phải chân lý. Ra sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân - tức là phục tùng chân lý"[6]. Tự do không được hiểu như một trạng thái không giới hạn, mà luôn gắn với trật tự pháp lý và kỷ cương xã hội. Vì nếu tự do tách rời khỏi khuôn khổ sẽ dẫn đến tự do tùy tiện. Tự do chỉ có ý nghĩa khi được bảo đảm bằng những chuẩn mực chung có khả năng điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong xã hội. "Đối với mọi vấn đề, mọi người tự do bày tỏ ý kiến của mình, góp phần tìm ra chân lý. Đó là một quyền lợi mà cũng là một nghĩa vụ của mọi người. Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hoá ra quyền tự do phục tùng chân lý"[7]. Pháp luật được đặt ra không phải để ngăn cản tự do, mà nó là điều kiện để tự do được hiện thực hóa một cách ổn định và bền vững. Pháp luật có vai trò xác định ranh giới của các quyền, đồng thời tạo cơ chế bảo vệ các quyền đó trước sự xâm phạm. Do đó, tự do không còn là khả năng hành động vô hạn, mà trở thành quyền được thực thi trong một trật tự chung. Hồ Chí Minh đặt tự do trong khuôn khổ pháp luật, đòi hỏi sự kết hợp giữa bảo đảm quyền và duy trì kỷ cương. *Một mặt*, hệ thống pháp luật cần ghi nhận và bảo vệ đầy đủ các quyền tự do cơ bản của công dân; *mặt khác*, việc thực thi các quyền đó phải gắn với trách nhiệm tuân thủ pháp luật và chuẩn mực xã hội. Khi hai yếu tố này được bảo đảm đồng thời, tự do không bị thu hẹp; ngược lại, nó được củng cố như một giá trị có tính bền vững. Mối quan hệ giữa tự do và pháp luật không phải là quan hệ hạn chế lẫn nhau, mà

[4] Hồ Chí Minh. (2011e), Toàn tập, tập 13, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 67.
[5] Hồ Chí Minh. (2011f), Toàn tập, tập 15, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 595.
[6] Hồ Chí Minh. (2011d), Toàn tập, tập 10, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 378.
[7] Hồ Chí Minh. (2011d), Toàn tập, tập 10, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 378.

là quan hệ bổ sung, trong đó pháp luật đóng vai trò thiết lập điều kiện để tự do tồn tại và phát triển trong một xã hội có trật tự.

Hồ Chí Minh cho rằng, tự do không tách rời khỏi trách nhiệm xã hội; ngược lại, giữa chúng có mối quan hệ mật thiết với nhau. Người nhấn mạnh, "nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bổn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân"[8]. Tự do phải được đặt trong một chỉnh thể quan hệ, nơi mỗi cá nhân vừa là chủ thể của quyền, vừa là người thực hiện các nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội. Tự do chỉ có ý nghĩa khi được thực hiện trong một cộng đồng có tổ chức. Vì thế, mỗi cá nhân, trong quá trình thực hiện quyền của mình, phải tính đến tác động đối với người khác và đối với trật tự chung. Khi quyền được thực hiện một cách có trách nhiệm, tự do không bị suy giảm, mà ngược lại, trở nên bền vững hơn do được đặt trên nền tảng của sự tôn trọng lẫn nhau. Trong một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thì việc thực thi quyền tự do đòi hỏi sự tuân thủ pháp luật, ý thức công dân và tinh thần trách nhiệm đối với cộng đồng. Mỗi cá nhân cần phải nhận thức đầy đủ về mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ, tự do không đối lập với kỷ cương, mà trở thành yếu tố góp phần củng cố trật tự xã hội và thúc đẩy sự phát triển chung. Tự do gắn với trách nhiệm xã hội không chỉ là một nguyên tắc đạo đức, mà còn là điều kiện để bảo đảm sự vận hành ổn định và bền vững của đời sống xã hội.

2.1.2. Đặc điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do

Từ các nội dung đã trình bày ở trên, bài viết rút ra một số đặc điểm nổi bật trong quan niệm về tự do của Hồ Chí Minh như sau:

Một là, tư tưởng về tự do của Hồ Chí Minh thể hiện *tính biện chứng*. Người lý giải mối quan hệ giữa tự do và tất yếu như một chỉnh thể thống nhất, không thể tách rời. Trong cách tiếp cận này, tự do không phải là trạng thái đối lập hay phủ định các điều kiện khách quan, mà chính là kết quả của quá trình con người nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy. Nói cách khác, tự do chỉ thực sự hình thành khi con người hiểu rõ tính tất yếu và biết hành động phù hợp với nó. Quan điểm này khắc phục những cách hiểu giản đơn từng đồng nhất tự do với sự tùy tiện hay hành động không bị ràng buộc. Thay vào đó, tự do được nâng lên thành một phạm trù mang tính tất yếu, gắn liền với thực tiễn lịch sử cụ thể. Chính trong sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, giữa chủ thể và hoàn cảnh, tự do trở thành năng lực làm chủ hiện thực một cách có ý thức, qua đó phản ánh chiều sâu tư duy biện chứng trong hệ thống tư tưởng của Người.

Hai là, tư tưởng về tự do của Hồ Chí Minh mang *tính nhân văn sâu sắc*. Trong đó, con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của mọi quá trình phát triển xã hội. Tự do không tồn tại như một phạm trù trừu tượng hay thuần túy pháp lý, mà gắn chặt với yêu cầu bảo đảm những điều kiện hiện thực để con người phát triển toàn diện cả về thể lực, trí lực và các giá trị thẩm mỹ khác. Quan điểm đó phản ánh rõ định hướng lấy con người làm trung tâm, đặt sự phát triển của cá nhân gắn với sự phát triển của cộng đồng là thước đo giá trị của tự do. Tự do không chỉ dừng lại ở sự thừa nhận về quyền trong các thiết chế pháp lý, mà còn bao hàm năng lực hiện thực hóa các quyền ấy trong đời sống xã hội cụ thể. Tự do phải được bảo đảm bằng

[8] Hồ Chí Minh. (2011c), Toàn tập, tập 9, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 258.

các điều kiện kinh tế, xã hội và văn hóa phù hợp, tạo khả năng cho mỗi cá nhân cải thiện đời sống vật chất, nâng cao chất lượng tinh thần và tham gia một cách chủ động vào các quan hệ xã hội. Như Người khẳng định, "nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[9]. Tự do không chỉ là một giá trị chuẩn tắc, mà còn trở thành tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của xã hội. Một xã hội thực sự tự do là xã hội trong đó các cá nhân có điều kiện phát triển năng lực, được bảo đảm quyền lợi thiết yếu và có khả năng hiện thực hóa các khát vọng chính đáng của mình. Chính sự gắn kết giữa tự do với hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người đã làm nổi bật chiều sâu nhân văn trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, đồng thời khẳng định ý nghĩa thực tiễn bền vững của quan điểm này trong quá trình xây dựng và phát triển xã hội hiện đại.

Ba là, tự do trong tư tưởng của Hồ Chí Minh thể hiện *tính thực tiễn.* Tự do trong tư tưởng của Người không chỉ tồn tại dưới dạng khái niệm, mà còn được kiểm nghiệm trong chính quá trình đấu tranh cách mạng ở Việt Nam. Từ thực tiễn lịch sử cụ thể của một dân tộc bị áp bức, vấn đề tự do được đặt ra trước hết như một yêu cầu hiện thực gắn với sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Do đó, tự do không phải là một phạm trù trừu tượng, mà là một mục tiêu hành động có nội dung xác định và gắn với những điều kiện lịch sử cụ thể. Tự do phải gắn chặt với các vấn đề cốt lõi của đời sống xã hội như độc lập dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân và xây dựng xã hội công bằng, tiến bộ. Tự do chỉ có ý nghĩa thực chất khi dân tộc thoát khỏi ách thống trị, khi nhân dân trở thành chủ thể của quyền lực và khi các thiết chế xã hội bảo đảm điều kiện cho con người phát triển.

Trong hệ thống tư tưởng của mình, Người đã nhiều lần nhắc đến luận điểm "không có gì quý hơn độc lập, tự do" và thông qua đó để khẳng định mối quan hệ hữu cơ giữa tự do và độc lập dân tộc ở Việt Nam. Cách tiếp cận này cho thấy tự do luôn được đặt trong mối liên hệ biện chứng với thực tiễn lịch sử, vừa là mục tiêu, vừa là kết quả của hành động cách mạng. Sự gắn bó chặt chẽ với thực tiễn đã làm cho quan niệm về tự do của Người mang tính khả thi cao, tránh được xu hướng hình thức hoặc giáo điều. Tự do không chỉ là một giá trị lý luận mà còn trở thành nguyên tắc chỉ đạo hành động, góp phần định hình con đường phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

Bốn là, tự do trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện rõ *tính toàn diện*. Đặc điểm này được thể hiện trong cách tiếp cận về tự do được đặt trong mối quan hệ đa chiều giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể và cá nhân với dân tộc. Cách tiếp cận này cho thấy tự do không bị giản lược thành quyền năng cá nhân thuần túy, cũng không bị hòa tan vào lợi ích tập thể một cách cực đoan, mà được đặt trong sự tương tác biện chứng giữa các cấp độ tồn tại xã hội. Sự mở rộng phạm vi này đã tạo điều kiện để nhận thức đầy đủ hơn về bản chất của tự do như một phạm trù vừa mang tính cá nhân, vừa mang tính xã hội và dân tộc. Tự do được hiểu như một quá trình dung hòa giữa quyền lợi chính đáng của cá nhân và lợi ích chung của cộng đồng. Vì thế, việc bảo đảm tự do cho mỗi con người không thể tách rời khỏi các điều kiện ổn định và phát triển của xã hội, đồng thời sự phát triển bền vững của cộng đồng cũng phải dựa trên việc tôn trọng và phát huy năng lực của từng cá nhân. Người nhấn mạnh, "Khi lợi ích

[9] Hồ Chí Minh. (2011a), Toàn tập, tập 4, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 64.

cá nhân và lợi ích của Đảng có mâu thuẫn, nhất định phải sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân, phục tùng lợi ích của Đảng. (…) Đảng không phải chỉ đại biểu lợi ích của đảng viên, mà đại biểu lợi ích của toàn giai cấp công nhân, toàn thể dân tộc và loài người"[10]. Tự do không phải là một trạng thái tĩnh, mà là một quá trình vận động trong mối quan hệ giữa các chủ thể và các cấp độ xã hội khác nhau. Tự do vượt ra khỏi phạm vi của quyền cá nhân đơn lẻ để trở thành một yếu tố cấu thành của trật tự xã hội.

2.1.3. Ý nghĩa của tư tưởng tự do Hồ Chí Minh đối với việc phát huy quyền tự do của nhân dân ở Việt Nam hiện nay

Một là, tư tưởng tự do của Hồ Chí Minh *có ý nghĩa lý luận sâu sắc* trong việc bổ sung vào tư tưởng triết học Việt Nam về vấn đề quyền con người.

Quan điểm của Người đã cung cấp một cách hiểu về tự do không tách rời khỏi điều kiện lịch sử và xã hội cụ thể. Nó góp phần khắc phục khuynh hướng tiếp cận giản lược coi quyền con người như những chuẩn mực thuần túy mang tính phổ quát, ít chú ý đến bối cảnh thực tiễn. Việc đặt tự do trong mối quan hệ với độc lập dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân và trật tự pháp luật đã đóng góp quan trọng vào việc xác lập quyền con người. Quyền con người được nhìn nhận vừa với tư cách là giá trị phổ quát, vừa như sản phẩm của những điều kiện lịch sử cụ thể. Tư tưởng tự do có vai trò quan trọng đối với việc định hướng nhận thức đúng đắn về tự do và tránh được các khuynh hướng cực đoan thường gặp trong quá trình tiếp cận vấn đề này. Thông qua việc nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa tự do và tất yếu, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần xây dựng một cách tiếp cận cân bằng. Tự do được hiểu như một giá trị cần được bảo đảm, nhưng nó cũng cần được thực hiện trong những giới hạn hợp lý để bảo vệ lợi ích chung của xã hội.

Hai là, tư tưởng tự do của Hồ Chí Minh là *cơ sở lý luận, định hướng* cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Việc đặt tự do trong mối quan hệ với quyền làm chủ của nhân dân và khuôn khổ pháp luật góp phần xác lập nguyên tắc tổ chức quyền lực nhà nước theo hướng "phải thực sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân."[11]. Nhà nước không chỉ là công cụ quản lý xã hội, mà còn là thiết chế có trách nhiệm tạo lập các điều kiện pháp lý và thể chế để các quyền tự do được thực thi một cách thực chất. Tư tưởng này có ý nghĩa trực tiếp đối với việc "bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân"[12].

Quan niệm coi tự do là quyền gắn với nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội cho phép thiết kế các quy phạm pháp luật theo hướng vừa bảo đảm quyền, vừa xác định rõ giới hạn và cơ chế thực hiện quyền trong thực tiễn. Quan điểm này đặc biệt quan trọng đối với việc xây dựng đất nước trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Để bảo đảm mục tiêu tăng trưởng nhanh gắn với phát triển bền vững, việc luật hóa các chuẩn mực quốc tế về quyền con người là một yêu cầu tất yếu. Tuy nhiên, quá trình này không thể được thực hiện một cách máy móc, mà cần được triển khai trên cơ sở thích ứng với

[10] Hồ Chí Minh. (2011b), Toàn tập, tập 6, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 290.
[11] Hồ Chí Minh. (2011e), Toàn tập, tập 13, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 67.
[12] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 285.

những điều kiện cụ thể của Việt Nam. Quan điểm tự do của Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến mối liên hệ giữa tính hợp hiến, hợp pháp và tính khả thi của pháp luật cũng có ý nghĩa đối với hiện nay. Tự do trong các văn bản pháp lý chỉ có ý nghĩa khi đi kèm với các cơ chế bảo đảm thực thi hiệu quả. Nó phải bao gồm hệ thống thiết chế giám sát, cơ chế bảo vệ quyền và trách nhiệm giải trình của các cơ quan công quyền. Tư tưởng về tự do không chỉ định hướng nội dung của pháp luật, mà còn đặt ra yêu cầu đối với toàn bộ quá trình tổ chức và vận hành của nhà nước pháp quyền.

Ba là, tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do có *ý nghĩa thực tiễn to lớn.*

Tư tưởng về tự do của Người đã định hướng trực tiếp cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng dân chủ trong đời sống xã hội. Tự do không dừng lại ở sự ghi nhận trên văn bản mà đã được Đảng và Nhà nước chuyển hóa thành khả năng tham gia thực chất của người dân vào các quá trình ra quyết định liên quan đến lợi ích của mình. Khi các thiết chế dân chủ được vận hành hiệu quả, tự do trở thành năng lực hiện hữu của công dân, góp phần củng cố niềm tin xã hội vào bộ máy nhà nước. Quyền tham gia không chỉ giới hạn ở việc bày tỏ ý kiến, mà còn bao gồm khả năng giám sát, phản biện và đồng hành trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách. "Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng"[13]. Hồ Chí Minh cho rằng, tự do phải cân bằng với kỷ cương, vì nếu thiếu kỷ cương, tự do dễ bị lạm dụng và dẫn đến xung đột lợi ích. Ngược lại, nếu kỷ cương được áp dụng một cách cứng nhắc, tự do sẽ bị thu hẹp và làm suy giảm động lực phát triển. Do đó, việc thiết lập một cơ chế vận hành hài hòa giữa hai yếu tố này không chỉ là yêu cầu quản lý xã hội, mà còn là điều kiện để tự do được thực hiện một cách bền vững và hiệu quả.

2.2. Thảo luận

Từ việc phân tích các nội dung trên, chúng tôi mạnh dạn đưa ra các bàn luận sau:

Một là, tư tưởng về tự do của Hồ Chí Minh đã thể hiện *tính kế thừa và phát triển* quan điểm về tự do trước đó nhằm đáp ứng yêu cầu và phù hợp với thực tiễn của Việt Nam. So với quan điểm về tự do của các nhà tư tưởng phương Tây, tư tưởng Hồ Chí Minh không phủ nhận giá trị của tự do cá nhân, nhưng không xem đó là điểm xuất phát duy nhất. Theo Người, tự do phải được đặt trong mối quan hệ với cộng đồng và với trật tự xã hội cụ thể, vì thế tự do cá nhân không thể bị tách rời khỏi điều kiện lịch sử cụ thể của nó. Thay vì tuyệt đối hóa cá nhân, quan niệm này nhấn mạnh sự cân bằng giữa tự do cá nhân và trách nhiệm đối với xã hội, qua đó tránh rơi vào khuynh hướng coi tự do như một trạng thái độc lập hoàn toàn với các ràng buộc xã hội. Tư tưởng tự do của Người đã kế thừa và phát triển sáng tạo quan điểm của C.Mác, vì thế, trong quan điểm tự do có sự tương đồng rõ nét. Hồ Chí Minh xem tự do là một sự tất yếu của con người và xã hội loài người. Tự do không phải là sự lựa chọn tùy ý, mà là khả năng hành động trên cơ sở nhận thức và cải biến các điều kiện khách quan. Tuy nhiên, Người không dừng lại ở khuôn khổ giải phóng giai cấp mà mở rộng phạm vi của tự do sang bình diện giải phóng dân tộc. Tự do được xác định trước hết như sự giải phóng dân tộc, từ đó tạo tiền đề cho việc giải

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 90.

phóng con người trên các phương diện khác. Sự kết hợp giữa cách tiếp cận mang tính biện chứng của chủ nghĩa Mác và yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam đã tạo nên nét đặc thù trong quan niệm về tự do của Hồ Chí Minh. Khái niệm tự do được mở rộng cả về nội hàm lẫn phạm vi áp dụng. Nó vừa mang tính phổ quát, vừa phản ánh sâu sắc điều kiện lịch sử cụ thể.

Hai là, quan điểm của Hồ Chí Minh về tự do thể hiện *tính biện chứng*. Tự do trong tư tưởng của Người không đối lập với tất yếu, mà tồn tại trong quan hệ tương tác với các điều kiện khách quan của đời sống xã hội. Con người không đạt tới tự do bằng cách phủ nhận những ràng buộc, mà thông qua việc nhận thức và vận dụng đúng các quy luật chi phối thực tiễn. Trên cơ sở đó, mối quan hệ giữa quyền và nghĩa vụ của cá nhân cũng được xác lập theo hướng thống nhất. Quan điểm này cũng được thể hiện trong Hiến pháp Việt Nam năm 2013, sửa đổi năm 2025, tại Chương II Quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Theo đó, Nhà nước tạo điều kiện cho cá nhân phát triển, công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội. Cách tiếp cận quyền lợi gắn với trách nhiệm đã góp phần khắc phục cách hiểu phiến diện, tách rời tự do khỏi nền tảng xã hội và điều kiện lịch sử của nó. Tư tưởng này có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng nhận thức nhằm tránh được quan niệm tuyệt đối hóa tự do cá nhân. Việc nhấn mạnh tính cân bằng và tính điều kiện của tự do, tư tưởng Hồ Chí Minh mở ra một hướng tiếp cận trong đó tự do được bảo đảm trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời vẫn giữ được vai trò là động lực của sáng tạo và tiến bộ xã hội.

Ba là, tư tưởng về tự do của Hồ Chí Minh là *nền tảng* để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, các quyền tự do không chỉ phải được thể hiện trong hệ thống pháp luật mà còn phải bảo đảm khả năng thực thi của các quyền đó. Để thực hiện, cần phải có sự gắn kết giữa quy định pháp lý với các cơ chế thực hiện cụ thể, bao gồm tổ chức bộ máy, quy trình hành chính và các thiết chế bảo vệ quyền. Pháp luật vừa phản ánh đúng nội dung quyền tự do, vừa có tính khả thi cao thì nó mới được chuyển hóa từ nguyên tắc thành thực tiễn. Tư tưởng này định hướng việc mở rộng dân chủ theo hướng thực chất. Tự do không chỉ thể hiện qua việc thừa nhận quyền mà còn thể hiện được sự tham gia của người dân vào các quá trình quản lý xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam cũng cho rằng "Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách của Nhà nước"[14]. Việc tăng cường các kênh tham gia, từ phản ánh ý kiến đến giám sát và phản biện, góp phần làm cho các chủ trương, đường lối phù hợp hơn với nhu cầu xã hội, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình của các chủ thể quản lý. Tự do trở thành yếu tố thúc đẩy sự phát triển, thay vì chỉ là một giá trị mang tính hình thức. Để "tiến vào kỷ nguyên phát triển mới trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội"[15], việc tiếp cận các giá trị phổ quát về quyền con người là xu thế tất yếu. Tư tưởng Hồ Chí Minh gợi mở cách thức tiếp nhận theo hướng có chọn lọc, gắn

[14] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 266.

[15] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 388.

với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Các chuẩn mực quốc tế cần được nội luật hóa và vận dụng trên cơ sở phù hợp với đặc điểm văn hóa, lịch sử và hệ thống chính trị, nhằm bảo đảm tính ổn định và hiệu quả trong thực thi. Nhờ đó, tự do vừa được mở rộng theo hướng tiếp cận các giá trị chung của nhân loại, vừa được duy trì trong khuôn khổ phù hợp với thực tiễn phát triển của đất nước.

3. Kết luận

Từ các nội dung đã trình bày ở trên cho thấy tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do không chỉ có giá trị về mặt lý luận, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn sâu sắc đối với quá trình phát triển của Việt Nam. Người đã làm rõ bản chất của tự do trong mối quan hệ với độc lập dân tộc, quyền làm chủ của nhân dân và trật tự pháp luật. Nó đã cung cấp cách tiếp cận có tính hệ thống và khả thi đối với vấn đề quyền con người trong điều kiện cụ thể của đất nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục giữ vai trò định hướng quan trọng trong việc phát huy quyền tự do của nhân dân hiện nay. Việc bảo đảm và mở rộng các quyền tự do không thể tách rời khỏi yêu cầu duy trì ổn định xã hội, củng cố Nhà nước pháp quyền và phát huy dân chủ. Tư tưởng này góp phần tạo ra sự cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân đối với đất nước. Vấn đề tự do trong tư tưởng Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục cần được nghiên cứu nhằm vận dụng "hoàn thiện đồng bộ thể chế để tạo nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh và bền vững"[16] phù hợp với yêu cầu phát triển của Việt Nam trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 C.Mác và Ph.Ăng-ghen. (2002). Toàn tập, tập 20, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc .gia Sự thật, Hà Nội.

2 *XIV, tập 2,* Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3 Hồ Chí Minh. (2011a), *Toàn tập,* tập 4, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4 Hồ Chí Minh. (2011b), *Toàn tập,* tập 6, Nhà Cường, N. A. (2021). Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ chính trị. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, 8,* 3-10.

5 Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ* xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

6 Hồ Chí Minh. (2011c), *Toàn tập,* tập 9, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

7 Hồ Chí Minh. (2011d), *Toàn tập,* tập 10, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8 Hồ Chí Minh. (2011e), *Toàn tập,* tập 13, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

9 Hồ Chí Minh. (2011f), *Toàn tập,* tập 15, Nhà xuất bản. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

10 My, T. T. (2023). Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng và việc giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên hiện nay. *Quản lý nhà nước*

11 Vinh. V.Q. (2020). Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền chủ ngh, (331), 14-18. https://doi.org/10.59394/qlnn.331.2023.575ĩa xã hội và vận dụng ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam,* 5, 22 – 31. https://vjol.info.vn/index.php/khxhvn/article/view/73787

[16] Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 256.